TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2025/HS-ST
Ngày 05/8/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Phương
- Ông Quàng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị P**(không có tên gọi khác), sinh năm 1979, tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ 5, xã N, tỉnh Điện Biên); nghề nghiệp trước khi bị bắt: Công chức – Nguyên trưởng Phòng tư pháp huyện Đ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1947; Chồng: không, bị cáo từng có chồng là Ngô Hồng L, sinh năm: 1965 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo chưa bị xét xử; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2024 đến ngày 21/2/2025 bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Huy C**(không có tên gọi khác), sinh năm 1977, tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 32, tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là số nhà 32, tổ 9, phường Đ, tỉnh Điện Biên); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Huy C (đã chết) và bà Doãn Thị N, sinh năm: 1951; vợ là Vũ Khánh H, sinh năm: 1981; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo chưa bị xét xử; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn

cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phùng Thị N**(không có tên gọi khác), sinh năm 1974, tại thành phố Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 88B, tổ dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là số nhà 88B, tổ 3, phường M, tỉnh Điện Biên); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1951 và bà Trương Thị N, sinh năm: 1955; chồng là Lê Văn L, sinh năm: 1974; bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo chưa bị xét xử; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Thầy Điệp và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 82 ngõ 1 P, Tổ 2, phường D, quận C, TP. Hà Nội. Ông Đ có mặt, bà T vắng mặt không có lý do.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Quân, sinh năm: 1986; địa chỉ thường trú: Đội 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Đặng Văn S, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Phạm Việt A, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1982. Trú tại bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Bà Đinh Thị P, sinh năm 1981.Trú tại tổ 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Thái Khắc H, sinh năm 1978. Trú tại bản N, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Đinh Văn L, sinh năm 1967. Trú tại tổ 4, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Bà Quàng Thị H, sinh năm 1982. Trú tại thôn H, xã T, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người liên quan trong vụ án:

- Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số nhà 525, tổ dân phố 15, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Ngô Văn V, sinh năm: 1976; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện , tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Vũ Thị T, sinh năm 1991. Trú tại tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2024, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND về việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện và Quyết định số 543/QĐ-UBND huyện ngày 25/3/2024 của UBND huyện Đ về việc thành lập Đoàn kiểm tra. Trong đó giao nhiệm vụ cho Nguyễn Thị P- Trưởng phòng Tư pháp huyện Điện Biên Đông là Trưởng đoàn có trách nhiệm*"Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Phòng Tư pháp để kịp thời báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định."*

Thực hiện theo Kế hoạch và Quyết định của UBND huyện, từ ngày 02 đến ngày 03/4/2024, Đoàn công tác do Nguyễn Thị P làm Trưởng đoàn đã tiến hành kiểm tra 12 trường học trên địa bàn các xã trong huyện. Sau khi phát hiện ra một số vi phạm của các trường học liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm như vệ sinh chưa sạch, tem nhãn mác thực phẩm chưa đúng quy chuẩn, đóng gói không có trọng lượng, số lượng... Sau khi kiểm tra xong, Đoàn công tác đã làm việc với các trường học và nêu ra các vi phạm, do một số vi phạm liên quan đến các nhà cung ứng thực phẩm, nhà trường không cung cấp được tài liệu liên quan nên P yêu cầu đại diện các trường học thông báo cho các nhà cung ứng thực phẩm lên UBND huyện Đ vào hồi 08 giờ ngày 04/4/2024 để giải trình, nội dung này được ghi trong một số dự thảo biên bản làm việc với các trường học.

Sáng ngày 04/4/2024 tại hội trường A2 của UBND huyện Đ, Nguyễn Thị P cùng với ông Lê Thanh T - Phó trưởng Công an huyện, bà Vũ Thị T - Chuyên viên phòng Tư pháp huyện là thành viên đoàn công tác đã làm việc với các nhà cung ứng thực phẩm và đại diện một số trường học. Tại đây, P nêu ra các vi phạm đã phát hiện sau khi kiểm tra các trường học P giải thích theo quy định pháp luật với các lỗi của các nhà cung ứng thực phẩm sẽ bị phạt từ 7 đến 10 triệu đồng, với tổ chức thì bị phạt gấp đôi. Ông Lê Thanh T cũng đưa ra ý kiến tại cuộc họp về mức xử phạt vi phạm hành chính và có thể thông báo cho các trường học ngừng mua thực phẩm của các nhà cung ứng có vi phạm. Các nhà cung ứng thực phẩm nhận các lỗi vi phạm, xin không xử phạt vi phạm hành chính và xin được khắc phục.

Sau đó P đã gặp riêng với đại diện các nhà cung ứng thực phẩm tại phòng làm việc của mình và trao đổi về việc nếu đưa tiền cho P thì sẽ bỏ qua các lỗi vi phạm và không đưa vào biên bản. Còn không đưa tiền cho P sẽ xử lý vi phạm hành chính và không cho cung ứng thực phẩm cho các trường nữa và thỏa thuận mức tiền các nhà cung ứng phải đưa theo số đơn vị trường được cung ứng kể cả các trường chưa kiểm tra. Sau khi nghe P yêu cầu như trên, các nhà cung cấp thực phẩm đã đưa tiền cho P, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 8 giờ ngày 05/4/2024, Bùi Huy C- đến gặp P tại phòng làm việc của P tại hội trường UBND huyện để làm việc. Qua trao đổi Cẩn nói

với P cung ứng thực phẩm hàng khô, thực phẩm tươi sống (thịt lợn, thịt gà, trứng vịt, mì tôm, rau củ quả, gia vị...) cho 10 trường học[1] và xin bỏ qua các lỗi vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm chưa sạch, các tem nhãn mác của các nhà cung ứng thực phẩm chưa đúng quy chuẩn, đóng gói không ghi trọng lượng, số lượng và không xử phạt để nộp tiền.Pnói mức xử phạt là 7 triệu đồng/01 trường học. Sau đó cả hai thỏa thuận mức nộp tiền là 3 triệu đồng/01 trường học. Khi P đi xuống phòng làm việc củaPtại tầng 1 trụ sở UBND huyện, C cùng đi vào phòng đưa cho P hai phong bì loại phong bì bưu điện tổng cộng 30 triệu đồng (trong đó một phong bì 10 triệu đồng mặt trước ghi "10, C", một phong bì 20 triệu đồng mặt trước ghi "20, C") đặt ở trên bàn uống nước rồi ra về. Sau đó, P dọn bàn và cất hai phong bì vào ngăn kéo dưới bàn làm việc.

Lần 2: Khoảng 09 giờ ngày 04/4/2024, Phùng Thị N lên hội trường UBND huyện Đ để làm việc với đoàn công tác, P đọc cho Nguyệt nghe các lỗi vi phạm và nói mức phạt thấp 7 triệu đối cá nhân, đối với tổ chức phạt gấp đôi sau đó yêu cầu N xuống phòng làm việc của P viết bản tường trình. Tại phòng làm việc của P, N nói cung ứng thực phẩm hàng khô, thực phẩm tươi sống (thịt lợn,thịt gà, trứng vịt, rau củ quả, muối, mỳ chính, dầu ăn, nước mắm, lạc, vừng, mỳ tôm ...) cho 04 trường[2] và xin đưa tiền để bỏ qua lỗi vi phạm về việc thực phẩm tươi sống không đóng túi riêng, không hút chân không, không dán tem, nhãn mác. Qua trao đổi ,P yêu cầu N phải đưa tiền với bốn trường là 20.000.000 đồng và yêu cầu N viết tường trình, sau đó N đi về. Khoảng hơn 09 giờ ngày 07/4/2024, N gọi điện cho P hẹn gặp ở quán cà phê Sinh Đôi khu quảng trường thành phố Đ và đưa cho P 20 triệu đồng tiền mệnh giá 500.000 đồng gói trong các tờ giấy A4 công văn thuế. Nhận tiền N đưa ,P cất tiền vào trong xe ô tô của mình.

Lần 3: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 08/4/2024, anh Đặng Văn S đến phòng làm việc củ P xin bỏ qua lỗi vi phạm về tem, nhãn mác chưa đăng ký theo quy định. Qua trao đổi P biết Sông cung ứng thực phẩm hàng khô, thực phẩm tươi sống (thịt lợn,thịt gà, cá ba sa, trứng vịt, lạc, rau củ quả, muối, mỳ chính, dầu ăn, mỳ tôm...) cho 3 trường học và ghép một số trường nhỏ[3] và yêu cầu anh S nộp 10 triệu đồng để bỏ qua lỗi vi phạm. Anh S nói chỉ chuẩn bị được 7 triệu đồng nên P yêu cầu buổi chiều lên nộp tiền kèm theo bản giải trình. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh S lên phòng P và để phong bì loại phong bì bưu điện chứa 10 triệu đồng mặt trước ghi "Cơ sở kinh doanh Đ" dưới tập tài liệu rồi đi về. Sau đó P lấy phong bì tiền cất vào ngăn kéo bàn làm việc.

Lần 4: Sáng ngày 04/4/2024, anh Nguyễn Văn Q lên UBND huyện Đ

---

[1] Thực tế Cần cung cấp thực phẩm cho 11 trường học gồm: PTDTBT Trung học cơ sở Pu Nhi, PTDTBT Tiểu học Nậm Ngám, Trường Mầm non Pu Nhi, PTDTBT Trung học cơ sở Xa Dung, PTDTBT Tiểu học Quang Trung, Trường Mầm non Ban Mai, Trường Mầm non Xa Dung, PTDTBT Tiểu học Mường Tỉnh, PTDTBT Trung học cơ sở Chiềng Sơ, PTDTBT Tiểu học Chiềng Sơ, Trường Mầm non Chiềng Sơ. Do trường mầm non cung cấp ít nên Cần chỉ báo 10 trường.

[2] PTDTBT Tiểu học Keo Lôm, Tiểu học Sam Măn, PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Na Phát, PTDTBT Trung học cơ sở Phình Giàng.

[3] PTDTBT Tiểu học Phình Giàng, PTDTBT Tiểu học Pu Nhi, Tiểu học Sư Lư, PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Na Son, PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Mường Luân, Mầm non Sư Lư.

được P thông báo các lỗi vi phạm về tem, nhãn mác chưa đăng ký theo quy định, thực phẩm đông lạnh chưa hút chân không.... Sau đó, anh Q xuống phòng làm việc của P để trao đổi P thông báo cho anh Q phải nộp 10 triệu đồng/trường học. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh Q đi ra ngân hàng rút 10 triệu đồng bỏ vào phong bì rồi đưa cho P tại phòng làm việc của P nhưng do thấy số tiền ít nên P nói phải đưa 5 triệu đồng/trường, tổng cộng 9 trường[4] là 45 triệu đồng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Q lên gặp P đưa cho P 40 triệu, P rút 2.000.000 đồng gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng trả lại cho Q. Tổng cộng số tiền đã nhận của Q là 38.000.000 đồng.

Ngày 08/4/2024, sau khi đưa tiền cho Nguyễn Thị P, anh Đặng Văn S và Nguyễn Văn Q đã tố giác sự việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Căn cứ vào tố giác của công dân, hồi 15 giờ 10 phút ngày 08/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành làm việc với Nguyễn Thị P, Pđã giao nộp toàn bộ số tiền đã nhận của các nhà cung ứng. Ngoài các lần nhận tiền của các nhà cung ứng thực phẩm như trên ,P còn nhận tiền của các trường học do các cá nhân sau đưa cho, cụ thể:

Khoảng 8 giờ ngày 04/4/2024, ông Phạm Việt A - Hiệu trưởng trường PTDTBT Trung học cơ sở P đến phòng làm việc của P để xin bỏ qua các nội dung vi phạm của trường, P nói đoàn kiểm tra đã thống nhất không đưa lỗi vi phạm các trường tại P vào biên bản sau đó P quay vào rót nước mời ông V, sau khi ông V ra về P thấy có 01 phong bì trên bàn làm việc, mở ra thấy có 01 tờ tiền 500.000 đồng, P đã cất số tiền trên vào ví cá nhân, sau đó lên hội trường để làm việc. Đối với số tiền này ông Phạm Việt A, bà Hoàng Thị B (Hiệu phó trường tiểu học P) và bà Đinh Thị P (Hiệu trưởng của trường M) đều khai là tiền cá nhân của các ông bà tự nguyện góp để mời đoàn kiểm tra uống nước.

Khoảng 8 giờ ngày 05/4/2024, ông Thái Khắc H - Hiệu trưởng Trường PTDTBT T và ông Đinh Văn L Hiệu trưởng Trường PTDTBT T1 đến phòng làm việc của P và trao đổi về nội dung đoàn kiểm tra tại hai trường. P nói đoàn kiểm tra thống nhất không đưa các lỗi vi phạm của nhà trường vào biên bản. Trong quá trình nói chuyện ông H lấy 8 phong bì mỗi phong bì bên trong có 500.000 đồng để vào cặp của P ở phòng làm việc, P không để ý nên không biết ông H bỏ vào cặp lúc nào. Sau khi tiếp ông H và ông L xong P lên hội trường tầng 3 UBND huyện Đ để làm việc. Đối với số tiền này tổng là 4.000.000đ ông H, ông L và bà Quàng Thị H (Hiệu trưởng trường M) khai là tiền cá nhân của các ông bà góp mời đoàn kiểm tra uống nước.

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý các tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án như sau:

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen bạc đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 8, màu xám gắn kèm 02 sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi, màu xám, đã qua sử dụng; 03 vỏ thẻ sim loại Vinaphone; 02 vỏ thẻ sim Viettel và 01 (một) vỏ thẻ sim Viettel kèm sim; Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.307.000 đồng. Quá trình điều

[4] PTDTBT Tiểu học Phì Nhừ, PTDTBT Tiểu học Nong U, PTDTBT Trung học cơ sở Phì Nhừ, Mầm non Thị Trấn, Mầm non Suối Lư, Mầm non Keo Lôm, Mầm non Nong U, Mầm non Phì Nhừ, Mầm non Sao Mai.

tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của Nguyễn Thị P, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị N là người được Nguyễn Thị P ủy quyền nhận hộ theo Quyết định xử lý vật chứng số 2890/QĐ-VPCQCSĐT ngày 18/6/2025.

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, màu đen đã qua sử dụng - là tài sản thuộc quản lý của Phòng Tư pháp huyện Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Theo Quyết định xử lý vật chứng số 2818/QĐ- VPCQCSĐT ngày 16/6/2025.

- Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 thuộc cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên) gồm:

Tổng số tiền 103.000.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong đó có (38.000.000đ của Nguyễn Văn Q; 10.000.000đ của Đặng Văn S; 30.000.000đ của ông Bùi Huy C, 20.000.000đ của bà Phùng Thị N, 4.000.000đ của ông Thái Khắc H; 500.000đ của ông Phạm Việt A và 500.000đ do Pgiao nộp không nhớ nguồn gốc).

01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A73 5G, màu xám bạc gắn kèm 02 sim điện thoại có số thuê bao 0916.793.223 và 0338.921.606, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị P.

08 phong bì bưu điện; 01 phong bì niêm phong cũ sau khi mở niêm phong đồ vật, tài liệu tạm giữ của bà Nguyễn Thị P và 07 mảnh giấy được xé ra từ phong bì bưu điện phát hành tại mục người nhận có ghi nội dung " chị P (50 triệu).

- Các tài liệu gồm biên bản kiểm tra, biên bản làm việc về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các đơn vị trường học và nghị định, kế hoạch, các tài liệu khác có liên quan được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án.

- Những người liên quan đến vụ án cơ quan điều tra, cơ quan truy tố đề nghị xử lý như sau:

+ Đặng Văn S có hành vi đưa 10.000.000đ cho Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn Q có hành vi đưa 40.000.000đ cho Nguyễn Thị P để bỏ qua lỗi vi phạm hành chính và sau đó chủ động trình báo đến cơ quan điều tra toàn bộ sự việc trước khi bị phát giác. Căn cứ Khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trong vụ án.

+ Ông Phạm Việt A hiệu trưởng trường THCS P thừa nhận cùng với bà Hoàng Thị B hiệu phó trường PTDTBT tiểu học P và bà Đinh Thị P hiệu trưởng trường Mầm Non P góp 500.000đ là tiền cá nhân của các ông bà mời đoàn kiểm tra uống nước. Ông Phạm Việt A đại diện đưa trực tiếp cho bà Nguyễn Thị P. Hành vi của ông Phạm Việt A không có mục đích vụ lợi, hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với hành vi này của bàPvà ông Phạm Việt A trong vụ án.

+ Ông Thái Khắc H đưa 08 phong bì (500.000 đồng/phong bì) với lý do mời cơm, nước đoàn kiểm tra, không có mục đích khác, cũng không trao đổi vớiPvề việc đưa tiền, hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với hành vi này của P và ông Thái Khắc H trong vụ án.

Nguồn gốc số tiền ông H đưa cho bị cáo P là của ông Thái Khắc H hiệu trưởng trường THCS xã X, của ông Đinh Văn L hiệu trưởng trường PTDTBT T1 và của chị Quàng Thị H hiệu trưởng trường mầm non X dùng tiền cá nhân mời đoàn uống nước, ông H nhận đại diện đưa cho bà P

+ Nguyễn Thị P khai ông Lê Thanh T là người chỉ đạo nhận tiền, nhưng ông T không thừa nhận; ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý đối với ông Lê Thanh T trong vụ án.

+ Ông Ngô Văn V - Hiệu trưởng trường PTDTBT T sau khi làm việc tại hội trường UBND huyện Đ có gặp riêng P và đề nghị P bỏ qua các lỗi của nhà cung ứng Nguyễn Văn Q cung cấp thực phẩm cho trường của ông V và đề xuất mức tiền thấp hơn mức P đưa ra để xin bỏ qua lỗi vi phạm cho nhà cung ứng nhưng P không đồng ý. Sau đó ông V nói lại với Q không xin được và bảo Q tự liên hệ với P. Ông V không biết việc Q thỏa thuận và đưa tiền cho P nên hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới hối lộ", Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông V trong vụ án.

+ Trong vụ án còn liên quan đến: Ông Đặng Xuân T bạn của bà Nguyễn Thị P có liên lạc qua Zalo với bị cáo P và nói chuyện về việc kiểm tra tại các trường học nhưng không tham gia hay biết việc P nhận tiền của các nhà cung ứng thực phẩm, hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án.

+ Bà Vũ Thị T là thư ký đoàn, có mặt trong một số buổi làm việc với nhà cung ứng theo phân công, gặp các nhà cung ứng thực phẩm tại UBND huyện Đ nhưng không biết và không tham gia bàn bạc, thống nhất với P về việc nhận tiền của các nhà cung ứng nên không đề nghị xử lý trong vụ án.

+ Các thành viên khác của đoàn kiểm tra còn có: Ông Nguyễn Đức P Phó, Phó trưởng đoàn kiểm tra; các thành viên ông Nguyễn Văn T, ông Lò Văn T, ông Lò Văn T, bà Nguyễn Thị H đều chỉ tham gia kiểm tra theo phân công, không tham gia hay trực tiếp làm việc với các nhà cung ứng thực phẩm, không có dấu hiệu vi phạm nên không bị xử lý trong vụ án.

Cáo trạng số 42/CT-VKSĐBĐ ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố bị cáo Nguyễn Thị P về tội " Nhận hối lộ" quy định tại Điểm đ, g, Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự;

- Truy tố bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị Nvề tội " Đưa hối lộ" quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 364 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo trên về tội danh và điều luật áp dụng cụ thể, đề nghi Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm đ, g, Khoản 2, Điều 354; Điểm v, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Nhận hối lộ".

- Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 364; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều

51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Huy C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ về tội "Đưa hối lộ".

- Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 364; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Thị N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ về tội "Đưa hối lộ"

Đề nghị không miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đối với hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

- Đối với án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với xử lý vật chứng: Căn cứ các quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47; Khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng như sau:

+ Trả lại cho Nguyễn Thị P 500.000đ do không chứng minh được số tiền này liên quan đến tội phạm.

+ Trả lại cho anh Đặng Văn S 10.000.000đ; trả cho anh Nguyễn Văn Q 38.000.000đ.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước tổng 54.500.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong đó có: 30.000.000đ của ông Bùi Huy C, 20.000.000đ của bà Phùng Thị N, 4.000.000đ ông Thái Khắc H; 500.000đ ông Phạm Việt A đưa cho Nguyễn Thị P.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A73 5G, màu xám bạc gắn kèm 02 sim điện thoại có số thuê bao 0916.793.223 và 0338.921.606, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị P;

+ Tịch thu tiêu hủy: 08 phong bì bưu điện; 01 phong bì niêm phong cũ và 07 mảnh giấy được xé ra từ phong bì bưu điện phát hành tại mục người nhận có ghi nội dung " chị P(50 triệu).

+ Các tài liệu gồm biên bản kiểm tra, biên bản làm việc về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các đơn vị trường học và nghị định, kế hoạch, các tài liệu khác có liên quan được thu thập đề nghị lưu trong hồ sơ vụ án.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Pcó ý kiến bào chữa như sau:

+ Nhất trí với việc truy tố của Viện kiểm sát về tội danh " Nhận hối lộ" với hai tình tiết định khung hình phạt " Phạm tội nhiều lần" và " Đòi hối lộ" theo Điểm đ, Điểm g Khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

+ Cơ bản nhất trí với phân tích về tính chất hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà Luận tội Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Phượng. Người bào chữa nhấn mạnh và làm rõ hơn các tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như sau: Mẹ đẻ bị cáo có

Huân huy chương kháng chiến; bản thân bị cáo ngoài được tặng Bằng khen trong quá trình công tác còn được tặng thưởng nhiều danh hiệu khác như Chiến sỹ thi đua cơ sở, kỷ niệm chương, giấy khen; bản thân bị cáo P bị bệnh đường ruột mãn tính nặng; Bị cáo là mẹ đơn thân nuôi mẹ đẻ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (ung thư) và 02 con tuổi ăn học nên là lao động chính trong gia đình; bố mất khi bị cáo bị tạm giam chưa về thắp hương cho bố nên ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý của bị cáo.

Người bào chữa có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị P“ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” và áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ (sau đây viết tắt là Nghị quyết 03/2020). Xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt cho bị cáo P vì có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt. Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

+ Các vấn đề khác như xử lý vật chứng, trách nhiệm chịu án phí người bào chữa không ý kiến gì.

Tranh luận với Người bào chữa về những nội dung trên: Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì trong tội nhận hối lộ thiệt hại bị cáo gây ra là uy tín của Đảng và Nhà nước, là sự mất niềm tin của nhân dân đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ được Đảng và Nhà nước giao cho. Đối với các bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q và Đặng Văn S đưa tiền hối lộ cho P là thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên họ không được coi là bị hại được để bồi thường thiệt hại. Bị cáo P giao nộp số tiền phạm tội không phải là khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại như quy định của Điều luật đưa ra, tuy nhiên tại luận tội của Viện kiểm sát vẫn ghi nhận việc P giao nộp toàn bộ số tiền nhận hối lộ là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết được ghi nhận tại khoản 2 Điều 51 nhưng bị cáo Nguyễn Thị P là người trực tiếp thực hiện hành vi nhận hối lộ, không thuộc trường hợp được áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020 cho hưởng chính sách khoan hồng đặc biệt để miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 59 cho

bị cáo P.

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo P vì không nhất thiết cứ có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 là phải áp dụng Điều 54 mà phải đánh giá tính chất vụ án, nguyên tắc áp dụng xử lý đối với tội phạm tham nhũng phải đảm bảo nghiêm khắc và tuân thủ triệt để các nguyên tắc của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự. Viện kiểm sát đã xem xét đến việc bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó đã nộp lại toàn bộ tài sản nhận hối lộ nên đề nghị mức hình phạt ở mức đầu khung là đã cân nhắc giữa các các tình tiết định khung và tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cụ thể đề nghị như sau:

+ Ông Nguyễn Văn Q; ông Đặng Văn S giữ nguyên lời khai đã khai tại cơ quan điều tra, đề nghị xử lý bị cáo Nguyễn Thị P theo đúng quy định của pháp luật.

+ Ông Phạm Việt A; bà Hoàng Thị B; bà Đinh Thị P; ông Thái Khắc H; ông Đinh Văn L; bà Quàng Thị H giữa nguyên lời khai trong hồ sơ và có khai rõ thêm số tiền mà các ông bà đưa cho bị cáo Nguyễn Thị P tổng là 4.500.000đ là tiền cá nhân của các ông bà góp vào, tự nguyện mời nước đoàn kiểm tra và đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền này.

Những người liên quan khác trong hồ sơ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa trong hồ sơ thể hiện:

- Ông Lê Thanh T và ông Ngô Văn V không có tài liệu chứng minh ông T đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị P về tội nhận hối lộ và ông V về tội môi dưới nhận hối lộ.

- Những người trong đoàn kiểm tra gồm: Vũ Thị T là thư ký; ông Nguyễn Đức P, Phó trưởng đoàn kiểm tra; các thành viên ông Nguyễn Văn T, ông Lò Văn T, ông Lò Văn T, bà Nguyễn Thị H không có chứng cứ chứng minh liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị P.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của các bị cáo thấy rằng:

1.1. Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P: Tại phiên tòa bị cáo P thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như Cáo trạng truy tố.

Căn cứ vào lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người đã đưa tiền cho bị cáo; phù hợp với số tiền bị cáo giao nộp cho cơ quan điều tra; các kết luận giám định chữ viết của các nhà cung ứng ghi trên phong bì đưa tiền cho bị cáo Phượng, kết luận giám định số tiền đưa hối lộ đều

là tiền thật, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết luận điều tra.

Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định: Bị cáo Nguyễn Thị khi đang giữa chức vụ là Trưởng phòng tư pháp huyện Đ được giao làm trưởng đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Đ. Quá trình kiểm tra tại một số đơn vị trường học trên địa bàn huyện, lợi dụng việc phát hiện một số sai phạm của các nhà cung ứng thực phẩm cho các trường, P mời đại diện các nhà cung ứng đến làm việc tại UBND huyện Đ, đưa ra các thông tin về xem xét xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm làm các nhà cung ứng lo sợ, ảnh hưởng đến việc kinh doanh nên phải đến gặp và thỏa thuận đưa tiền cho P để bỏ qua các lỗi vi phạm. Bị cáo đã 04 lần nhận tiền của các nhà cung ứng thực phẩm với tổng số tiền là 98.000.000đ, mỗi lần đủ cấu thành tội phạm, cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 05/4/2024 bị cáo nhận của Bùi Huy C 30.000.000đ tại phòng làm việc. Lần thứ hai vào ngày 07/4/2024 tại quán cà phê Sinh Đôi thuộc Phường M bị cáo nhận của Phùng Thị N 20.000.000đ. Lần thứ 3 vào ngày 08/4/2024 tại phòng làm việc, bị cáo nhận của Đặng Văn S 10.000.000đ và lần thứ 4 nhận của Nguyễn Văn Q 38.000.000đ tại phòng làm việc. Bốn lần nhận tiền của các nhà cung ứng đã cấu thành tình tiết định khung tăng nặng tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự ***" Phạm tội 02 lần trở lên***". Mặc khác, quá trình thực hiện hành vi phạm tội trên bị cáo chủ động gợi ý, yêu cầu các nhà cung cấp phải đưa đúng số tiền mà bản thân mong muốn thì mới đồng ý bỏ qua các lỗi sai phạm của các nhà cung ứng. Hành vi tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận và các nhà cung ứng đã khai nhận bị ép đòi đưa hối lộ với số tiền từ 5 đến 7 triệu đồng nhân với số trường mà các nhà cung ứng thực phẩm được cung cấp. Hành vi này là hành vi "***Đòi hối lộ***" một trong tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường đoàn kiểm tra thay mặt nhà nước đi kiểm tra theo thẩm quyền; làm mất uy tín, mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước đối với các đoàn kiểm tra, giám sát khi thực hiện công vụ được giao. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy rõ được sự sai phạm của bản thân nhưng vẫn thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P đã phạm vào tội " Nhận hối lộ" quy định tại Điểm đ, g, Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự quy định:

"Điều 354. Tội nhận hối lộ quy định:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...đ) Phạm tội 02 lần trở lên;

...g) Đòi hối lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt."

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Thị P về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

1.2. Đối với hành vi của bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo cũng thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thị P người nhận hối lộ và chứng cứ là số tiền các bị cáo đưa cho bị cáo P đã được giao nộp, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và Kết luận điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử cũng đủ căn cứ kết luận khi được trưởng đoàn kiểm tra là Nguyễn Thị P thông báo về các lỗi vi phạm khi cung cấp thực phẩm cho các trường và có nói về việc sẽ bị xử phạt hành chính cũng như gợi ý để bỏ qua các lỗi vi phạm. Thay vì chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm bị phát hiện, các bị cáo lo sợ ảnh hưởng đến việc kinh doanh của mình lại trực tiếp đồng ý và đưa tiền cho Nguyễn Thị P để bỏ qua lỗi vi phạm. Bị cáo Bùi Huy C vào ngày 05/4/2024 đã đưa cho bị cáo Nguyễn Thị P 30.000.000đ tại phòng làm việc của Phượng. Bị cáo Phùng Thị N vào ngày 07/4/2024 tại quán cà phê Sinh Đôi thuộc Phường M đưa cho bị cáo P 20.000.000đ. Hành vi của các bị cáo cũng đã xâm hại đến uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức của nhà nước. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của các bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N đã phạm vào tội " Đưa hối lộ" quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 364 Bộ luật Hình sự;

"Điều 364. Tội đưa hối lộ quy định:

1. Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;"

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ nay là tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên truy tố các bị cáo Bùi Huy C và bị cáo Phùng Thị N về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[2]. Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P 04 lần nhận hối lộ và đòi hối lộ với số tiền đã nhận hối lộ là 98.000.000đ thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của nhà nước giao để vụ lợi. Xuất phát từ bản lĩnh không vững vàng nên mới phạm tội như ngày hôm nay.

Hành vi của các bị can Bùi Huy C, Phùng Thị N đưa hối lộ thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do lo sợ ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của gia đình, sự gợi ý, yêu cầu của người có quyền lực nên mới thực hiện hành phạm tội.

[3]. Xét nhân thân của các bị cáo thấy rằng.

Bản thân bị cáo Nguyễn Thị P chưa từng bị xét xử, chưa từng bị xử phạt hành chính, có nhân thân tốt. Bị cáo P trước khi phạm tội là công chức nhà nước, là trưởng phòng tư pháp nên có chức vụ, quyền hạn nhất định.

Xét nhân thân của bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N chưa từng bị xét xử, chưa từng bị xử phạt hành chính là những người có nhân thân tốt, hiện hiện nay đã lập gia đình, có công việc kinh doanh buôn bán ổn định cho cuộc sống.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi vi phạm; có thành tích xuất sắc trong công tác (được UBND tỉnh Điện Biên tặng thưởng bằng khen); có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bản thân bị cáo trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, kỷ niệm chương, giấy khen; Bị cáo là mẹ đơn thân nuôi mẹ đẻ bị bệnh hiểm nghèo (ung thư) và 02 con tuổi ăn học nên là lao động chính trong gia đình; Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền nhận hối lộ cho cơ quan điều tra khi bị phát hiện. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo

Đối với bị cáo Bùi Huy Ccũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi thực hiện; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có bố đẻ là ông Bùi Huy C và mẹ đẻ là bà Doãn Thị N được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phùng Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi thực hiện; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị P, Bùi Huy C, Phùng Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy nhận định, đánh giá của người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát về tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo đều được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự " Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" cho bị cáo Nguyễn Thị P không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử đồng quan điểm với lập luận của Viện kiểm sát cho rằng trong tội nhận hối lộ thiệt hại bị cáo gây ra là uy tín của Đảng và Nhà nước, là sự mất niềm tin của nhân dân đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ được Đảng và Nhà nước giao cho. Bị cáo Pg iao nộp số tiền phạm tội không phải là khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại như quy định của Điều luật đưa ra.

[6]. Về hình phạt chính:

Từ phân tích về hành vi phạm tội, tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo tại mục [1, 2, 3, 4, 5] Hội đồng xét xử chấp nhận mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Thị P, phù hợp với nguyên tắc xét xử nghiêm khắc đối với tội phạm tham nhũng nhằm răn đe giáo dục chung.

Không chấp nhận áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020 và Điều 54, 59 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhất trí với lập luận của Viện kiểm sát cho rằng bị cáo không thuộc trường hợp để áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020 để cho hưởng chính sách khoan hồng đặc biệt và không áp dụng dưới mức thấp nhất khung hình phạt và miễn hình phạt mà cần xử lý nghiêm minh bị cáo thì mới lấy lại được uy tín, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Đối với bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N phạm tội do hoàn cảnh bị ép buộc, lo sợ ảnh hưởng đến công việc làm ăn, mưu sinh của gia đình, xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo luôn thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức rõ sai lầm của bản thân; phạm tội do bị ép, bị đòi đưa hối lộ, cùng với xét thấy bản thân các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; tội phạm có tính chất ít nghiêm trọng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang sinh sống giám sát giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Thông tư liên tịch số 01/2023/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 18/01/2023 quy định về việc phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật thi hành án hình sự về thi hành hình phạt tại cộng đồng thì *" Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nhận được quyết định thi hành án"*. Do thẩm quyền của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chuyển cho cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh nên Hội đồng xét xử xác định thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận quyết định thi hành án.

Theo quy định về áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên xét thấy thu nhập của hai bị cáo C và N tuy có nguồn thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán nhưng là kinh doanh buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định, nên cần miễn khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7]. Hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự " *Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị P nhận hối lộ đã vi phạm những điều cán bộ, công chức, đảng viên không được làm nên đã bị tổ chức tạm đình chỉ công tác và khai trừ ra khỏi đảng (Quyết định số 9262/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 tạm đình chỉ công tác và Quyết định số 3964/QĐ- HU ngày 10/4/2025 thi hành kỷ luật Đảng bằng hình thức khai trừ ra khỏi đảng). Mặc khác qua xác minh tình hình thu nhập, tài sản của bị cáo thấy rằng bản thân bị cáo không có tài sản có gì ngoài một xe máy sử dụng đi lại và thu nhập từ lương, nhưng đang nuôi hai con tuổi ăn học và mẹ già bệnh yếu nên. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Theo Khoản 5 Điều 364 Bộ luật Hình sự *" Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ*". Xét thấy các bị cáo Bùi Huy C và Phùng Thị N chỉ làm ăn buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định, chỉ đủ trang trải trong gia đình, qua xác minh tài sản xét thấy tài sản không có tài sản đảm bảo cho việc thi hành án hình phạt bổ sung. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án như sau:

+ Đối với: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen bạc đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 8, màu xám gắn kèm 02 sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi, màu xám, đã qua sử dụng; 03 vỏ thẻ sim loại Vinaphone; 02 vỏ thẻ sim Viettel và 01 (một) vỏ thẻ sim Viettel kèm sim; Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.307.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của Nguyễn Thị P, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 2890/QĐ- VPCQCSĐT ngày 18/6/2025 đã trả cho bà Nguyễn Thị N là người được Nguyễn Thị P ủy quyền nhận hộ. Quyết định này của Cơ quan điều tra là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

+ Đối với: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, màu đen đã qua sử dụng - là tài sản thuộc quản lý của Phòng Tư pháp huyện Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 2818/QĐ- VPCQCSĐT ngày 16/6/2025 đã trả lại cho chủ sở hữu

Phòng Tư pháp huyện Đ là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với số tiền sau:

30.000.000đ của ông Bùi Huy C và 20.000.000đ của bà Phùng Thị N đưa cho Nguyễn Thị P vì đây là tiền do phạm tội mà có.

4.000.000đ của ông Thái Khắc H và 500.000đ của ông Phạm Việt A đưa cho bị cáo Nguyễn Thị P. Số tiền này mặc dù được xác định không phải là tiền nhận hối lộ nhưng việc bị cáo P nhận số tiền này của các cá nhân trong khi đang thực hiện hoạt động kiểm tra là vi phạm các quy định về phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo Luật Thanh tra. Mặc khác những người đưa tiền cho bị cáo P đã nhất trí đề nghị sung ngân sách nhà nước số tiền này.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị P số tiền 500.000đ do cơ quan điều tra không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo P. Tại phiên tòa bị cáo Pn hất trí để Hội đồng xét xử tuyên giữa lại khấu trừ vào số tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo phải chịu. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên giữ lại số tiền này của bị cáo Nguyễn Thị P để khấu trừ vào số tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo phải nộp.

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 38.000.000đ và trả cho ông Đặng Văn S số tiền 10.000.000đ. Số tiền này ông Q và S bị ép đưa hối lộ đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác nên được trả lại toàn bộ số tiền dùng để đưa hối lộ.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A73 5G, màu xám bạc gắn kèm 02 sim điện thoại có số thuê bao 0916.793.223 và 0338.921.606, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị P đây là phương tiện liên lạc trao đổi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 08 phong bì bưu điện; 01 phong bì niêm phong cũ sau khi mở niêm phong đồ vật, tài liệu thu giữ của bà Nguyễn Thị P và 07 mảnh giấy được xé ra từ phong bì bưu điện phát hành tại mục người nhận có ghi nội dung " chịP(50 triệu). Những vật chứng này không còn giá trị sử dụng.

- Đối với các tài liệu gồm biên bản kiểm tra, biên bản làm việc về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các đơn vị trường học và nghị định, kế hoạch, các tài liệu khác có liên quan được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án.

[10]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[11]. Về các vấn đề khác trong vụ án:

+ Hội đồng xét xử nhất trí với đề nghị của cơ quan điều tra, truy tố không xử lý đối với hành vi của ông Đặng Văn S và ông Nguyễn Văn Quân theo Khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

+ Hội đồng xét xử nhất trí với cơ quan điều tra, cơ quan truy tố về việc

không xử lý đối với hành vi của các ông bà sau: ông Phạm Việt A, bà Hoàng Thị B, bà Đinh Thị P, ông Thái Khắc H, ông Đinh Văn L và bà Quàng Thị H vì hành vi của các ông bà không cấu thành tội phạm.

+ Hội đồng xét xử nhất trí với cơ quan điều tra, truy tố không xử lý đối với hành vi của ông Lê Thanh T và ông Ngô Văn V vì không có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm

+ Hội đồng xét xử nhất trí không xử lý đối với các ông bà sau: Ông Đặng Xuân T; bà Vũ Thị T; ông Nguyễn Đức P; ông Nguyễn Văn T, ông Lò Văn T, ông Lò Văn T, bà Nguyễn Thị H vì không có dấu hiệu vi phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm Điểm đ, g, Khoản 2, Điều 354 Bộ luật Hình sự; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị P(không có tên gọi khác) phạm tội "Nhận hối lộ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/02/2025.

2. Căn cứ điểm a, Khoản 1, Điều 364 Bộ luật Hình sự; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Huy C phạm tội "Đưa hối lộ".

- Xử phạt bị cáo Bùi Huy C 2 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bùi Huy C trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Huy C cho UBND Phường Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Huy C.

3. Căn cứ điểm a, Khoản 1, Điều 364 Bộ luật Hình sự; điểm i, s Khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Thị N (không có tên gọi khác) phạm tội "Đưa hối lộ".

- Xử phạt bị cáo Phùng Thị N 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phùng Thị N trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phùng Thị N cho UBND Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Điện Biên Phủ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phùng Thị N.

4. Về vật chứng:

- Căn cứ các quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47; Khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối tổng số tiền 54.500.000đ (Năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó có: 30.000.000đ của ông Bùi Huy Cẩn; 20.000.000đ của bà Phùng Thị N; 4.000.000đ của ông Thái Khắc H và 500.000đ của ông Phạm Việt A đưa cho bị cáo Nguyễn Thị P.

+ Giữ lại số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị P để khấu trừ vào số tiền án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị P phải nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trả cho bị cáo Nguyễn Thị P.

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, trú tại Đội 4, xã T, tỉnh Điện Biên số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng).

+ Trả cho ông Đặng Văn S, sinh năm 1992, trú tại Tổ 5, xã N, tỉnh Điện Biên số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A73 5G, màu xám bạc gắn kèm 02 sim điện thoại có số thuê bao 0916.793.223 và 0338.921.606, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị P.

+ Tịch thu tiêu hủy 08 phong bì bưu điện; 01 phong bì niêm phong cũ sau khi mở niêm phong đồ vật, tài liệu tạm giữ của bà Nguyễn Thị P và 07 mảnh giấy được xé ra từ phong bì bưu điện phát hành tại mục người nhận có ghi nội dung " chị P (50 triệu).

Vật chứng trên được niêm phong và bàn giao sang Kho vật chứng của Chi Cục thi hành án huyện Đ nay thuộc Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên bản ngày 27/6/2025.

- Chấp nhận cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý các vật chứng sau:

+ Trả 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, màu đen đã qua sử dụng – cho Phòng Tư pháp huyện Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 2818/QĐ-VPCQCSĐT ngày 16/6/2025.

+ Trả 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen bạc đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 8, màu xám gắn kèm 02 sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi, màu xám, đã qua sử dụng; 03 vỏ thẻ sim loại Vinaphone; 02 vỏ thẻ sim Viettel và 01 (một) vỏ thẻ sim Viettel kèm sim; Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.307.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Thị P ủy quyền nhận hộ theo Quyết định xử lý vật chứng số 2890/QĐ- VPCQCSĐT ngày 18/6/2025.

- Chấp nhận lưu giữ toàn bộ các các tài liệu gồm biên bản kiểm tra, biên bản làm việc về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các đơn vị trường học và nghị định, kế hoạch, các tài liệu khác có liên quan được thu thập trong hồ sơ vụ án.

5. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào Điểm d Khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số

311b/LC-VPCQCSĐT ngày 10/4/2025 đối với Bùi Huy C và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 311a/LC-VPCQCSĐT ngày 10/4/2025 đối với Phùng Thị N

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc

+ Bị cáo Nguyễn Thị P chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Bùi Huy C chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Phùng Thị N chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (5/8/2025)./.Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 2 - Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo P;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phân trại tạm giam Phường Mường Thanh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng TTr, KT - THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS H.Khu vực 2 - Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga